**TOÁN**

***TUẦN 14***

**BÀI 38: VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN**

**(TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Biết cách viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.
* Biết chuyển đổi đơn vị đo đại lượng bằng cách vận dụng mối quan hệ giữa các đơn vị đo đại lượng.
* Vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn có liên quan đến các kiến thức trọng tâm nói trên.
* Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa; năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học*  **Cách thức tiến hành:***.* | |
| - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi ***Lật mảnh ghép***  **Cách chơi:** Mỗi HS có quyền chọn 1 mảnh ghép và trả lời câu hỏi dưới mảnh ghép, nếu trả lời đúng mảnh ghép sẽ được lật lên, trả lời sai bạn khác có quyền trả lời. Sau khi lật mảnh ghép cuối cùng sẽ ra tên bài học hôm nay.  MG1: Nêu các đơn vị đo độ dài và học  MG 2: Nêu các đơn vị đo khối lượng đã học?  MG 3: Nêu các đơn vị đo diện tích đã học  MG4: Nêu mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng tiếp liền ?  MG5: Nêu mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài tiếp liền ?  MG6: Cái gọt chì dài bao nhiêu cm? Quả dứa cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  **Chốt: GTB:** Ta có thể dùng số thập phân để viết số đo đại lượng (độ dài, khối lượng). Bài hôm nay chúng ta học là : Viết các số đo đại lượng dưới dạng số thập phân. | - HS tham gia trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV.  - HS chọn 1 mảnh ghép và trả lời câu hỏi dưới mảnh ghép, nếu trả lời đúng mảnh ghép sẽ được lật lên, trả lời sai bạn khác có quyền trả lời.  - HS trả lời : (mm, cm, dm, m, km).  - HS trả lời (g, kg, yến, tạ , tấn).  - HS trả lời (mm2, cm2, dm2, m2, ha, km2).  HS trả lời: các đơn vị đo khối lượng đơn vị lớn gấp 10 lần đơn vị bé, đơn vị bé bằng một phần 10 đơn vị lớn hơn tiếp liền.  -HS trả lời: Chiếc gọt bút chì dài ….  - HS chú ý nghe, hình thành động cơ học tập. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Mục tiêu:** *Nhận biết và thực hiện viết các số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.*  **Cách tiến hành:** | |
| - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  Nhiệm vụ 1: Quan sát bức tranh (trong SGK. hoặc trên máy chiếu).  Nhiệm vụ 2: Nói với bạn về vấn đề liên quan đến tình huống trong bức tranh.    - Để chuyển số đo từ xăng-ti-mét sang mi-li-mét (và ngược lại) ta làm thế nào? Cho ví dụ.  - GV giúp HS nhận biết: số 10 và được coi như “thừa số đổi” (thể hiện quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét và mi-li-mét).  - HS tự lấy một vài ví dụ tương tự. | HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV:  - HS đọc lời giải thích của các bạn trong tranh:  - Thảo luận nhóm đôi  **VD:** “Chiếc lá dài bao nhiêu xăng-ti-mét?”  + Chiếc lá dài 5,3 cm.  + Quan sát hình vẽ em thấy chiếc lá dài 53 mm.  + Vậy: 5,3 cm = 53 mm.  + Bạn nữ: *Vì 1cm = 10mm nên để chuyển đổi số đo từ xăng-ti-mét sang mi-li-mét ta nhân với 10, tức là chuyển dấu phẩy sang bên phải một chữ số:*  *5,3 cm = 53 mm.*  + Bạn nam: *Vì 1mm = cm nên để chuyển đổi số đo từ mi-li-mét sang xăng-ti-mét ta chia cho 10, tức là chuyển dấu phẩy sang bên trái một chữ số:*  *53 mm = 5,3 mm.*  - **HS nêu nhận xét:** *Để chuyển đổi số đo từ xăng-ti-mét sang mi-li-mét (và ngược lại) ta có thể sử dụng phép nhân (chia) số đo đó với (cho) 10.*  **Ví dụ:**  5,3 cm (= 5,3 x 10) = 53 mm;  53 mm (= 53 : 10) = 5,3 cm. |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** *Học sinh làm được bài tập 1, 2 và 3 để luyện tập về cách chuyển đổi đơn vị đo đại lượng bằng cách vận dụng mối quan hệ giữa các đơn vị đo đại lượng.*  **Cách tiến hành:** | |
| ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  - GV yêu cầu HS đọc đề, nêu yêu cầu.  - GV cho HS nhắc lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài.  - GV tổ chức cho học sinh làm việc vào vở  - GV lưu ý hướng dẫn những HS còn gặp khó khăn khi thực hiện tính.  - GV mời 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng. | **Bài 1. Số?**    - HS trả lời  *1km = 1 000m*  *1 m = 10 dm = 100 cm = 1 000mm*  *1 dm = 10 cm = 100 mm*  *1 cm = 10mm*  - HS thực hiện đổi các đơn vị đo độ dài, trình bày bài vào vở cá nhân.  6,8m = 68 dm (Lấy 6,8 x 10)  0,5 m = 50 cm (Lấy 0,5 x 100)  0,07 m = 70m m (ta lấy 0,07 x 1000)  132 cm (= 132 : 100) = 1,32 m.  - HS đổi vở chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  - Kết quả:  *a) 6,8m = 69 dm*  *0,5 m = 50 cm*  *0,07 m = 70 mm*  *0,23 km 230 m*  *b) 57 dm = 5,7 m*  *132 cm = 1,32 m*  *86 mm = 0,086 m*  *1 291 m = 1,291 km* |
| ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2*** | **Bài 2. Số?** |
| - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập 2.  - GV cho HS nhắc lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng | - HS nêu yêu cầu (Điền số vào ô trống)  - HS trả lời:  *1 tấn = 10 tạ = 100 yến = 1 000kg*  *1 tạ = 10 yến = 100 kg*  *1 yến = 10 kg*  *1kg = 1 000g* |
| - GV yêu cầu HS xác định các bước thực hiện. | *+ Nhận biết “thừa số đổi” (thể hiện quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng).*  *+ Thực hiện các phép tính nhân hoặc chia số đo đã cho với “thừa số đổi” là 10. 100 hoặc 1 000.* |
| - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân. | - HS thực hiện đổi các đơn vị đo khối lượng, trình bày bài vào vở cá nhân. / 3 HS lên bảng thực hiện. |
| - GV hướng dẫn HS chia sẻ bài làm với bạn.  - Cho HS nhận xét bài trên bảng, khuyến khích HS nói rõ cách làm. | - HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm 2: Đổi chéo vở với bạn cùng bàn, kiểm tra đáp án.  - Nhận xét bài làm trên bảng. |
| - GV chữa bài, chốt đáp án.  - GV nhận xét, tổng kết.  - **Lưu ý**: *Khi viết số đo khối lượng dưới dạng số thập phân ta cần lưu ý gì?* | - Kết quả:  *a) 7,5 tấn = 75 tạ*  *0,5 tạ = 50 kg*  *0,07 tấn = 70 kg*  *b) 43 tạ = 4,3 tấn*  *152 kg = 1,52 tạ*  *2 537 kg = 2,537 tấn*  - Chú ý các bước:  *+ Thuộc mối quan hệ giữa các đơn vị đo để xác định thừa số đổi*  *+ Nhân (hoặc chia) số đo với thừa số đổi* |
| ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 3.  - GV yêu cầu HS xác định việc cần làm.  - GV cho HS nhắc lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích. | **Bài 3. Số?**    - HS đọc yêu cầu bài tập 3.  - Xác định mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích.  - HS trả lời:  *1 m2 = 100 dm2 = 10 000 cm2*  *1 dm2 = 100 cm2 = 10 000 mm2*  *1 km2 = 100 ha = 1 000 000 m2*  *1 ha = 10 000 m2* |
| - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 nêu cách làm (2 phút).  - GV cho HS làm vào vở - 2 HS lên bảng làm vào sách điện tử  - GV chấm, chữa nhận xét, tổng kết bài. | - HS thảo luận và trình bày.  a) 3,61 m2= 361 dm2 (Lấy 3,61 x 100)  b) 26 dm2= 0,26 m2 (Lấy 26 :100)  - HS làm, giải thích cách làm  - HS thực hiện đổi các đơn vị đo diện tích, trình bày bài vào vở cá nhân. 2 HS lên bảng làm vào sách điện tử  - Đổi chéo vở với bạn cùng bàn, kiểm tra đáp án.  - Kết quả:  *a) 3,61 m2 = 361 dm2*  *4,7 m2 = 47 000 cm2*  *0,6 km2 = 60 ha*  *b) 26 dm2 = 0,26 m2*  *45 000 m2 = 4,5 ha*  *160 ha = 1,6 km2*  - HS kiểm tra, chữa bài. |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM.**  **Mục tiêu:**  - Vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn có liên quan đến các kiến thức trọng tâm nói trên. | |
| - GV nêu bài toán thực tế:  (1) *Mai cao 143 cm. Hỏi Mai cao bao nhiêu mét?*  (2) *Vườn nhà Lan rộng 1500m2. Hỏi vườn nhà Lan rộng bao nhiêu ha?* | - HS nêu nhanh kết quả trước lớp.  - HS nêu nhanh kết quả trước lớp. |
| \* **Củng cố, dặn dò:**  - Tiết học vừa rồi chúng ta đã ôn những nội dung gì?  - Về nhà các em có thể tìm thêm các bài tập tương tự làm thêm để rèn cho thành thạo và chuẩn bị cho tiết 2. | - HS nêu  - HS nghe để thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

**BÀI 38: VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN**

**(TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Biết cách viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.
* Biết chuyển đổi đơn vị đo đại lượng bằng cách vận dụng mối quan hệ giữa các đơn vị đo đại lượng.
* Vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn có liên quan đến các kiến thức trọng tâm nói trên.
* Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa; năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học*  **Cách thức tiến hành:***.* | |
| Trò chơi ***Ai nhanh Ai đúng?***  **Cách chơi:** GV chiếu câu hỏi, HS nhìn nhanh, ghi nhanh đáp án ra bảng con.  Câu 1: 2,4 km = ... m  Câu 2: 2,45 kg = ... g  Câu 3: 2,42 km2 = ... ha  Câu 4: 150 ha = ... km2  Câu 5: 6500 m2= ... ha  **- GTB:** Các em đã biết cách viết các số đo đại lượng dưới dạng số thập phân với 1 tên đơn vị. Để viết các số đo với 2 tên đơn vị đo về số đo có 1 tên đơn vị đo và ngược lại thế nào chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay : **Viết các số đo đại lượng dưới dạng số thập phân (Tiết 2)** | - HS nhìn nhanh, ghi nhanh đáp án ra bảng con.  - HS trả lời cách viết  - HS nêu cách làm  - Nghe, ghi vở |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** *Học sinh làm được bài tập 4,5 để luyện tập về cách chuyển đổi đơn vị đo đại lượng bằng cách vận dụng mối quan hệ giữa các đơn vị đo đại lượng.*  **Cách tiến hành:** | |
| ***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành BT4***  - GV yêu cầu HS đọc đề, quan sát mẫu.  - Yêu cầu HS nêu nhiệm vụ cần thực hiện.  GV chốt : 6 tấn 234 kg = 6,234 tấn, tức là chuyên từ cách ghi số đo với 2 đơn vị đo (tấn và kg) về dạng số đo chỉ có 1 đơn vị đo (tấn). Việc chuyển đổi có thể tiến hành như sau:  6 tấn 234 kg = 6 tấn + 234 kg = 6,234 tấn.  **Chốt cách đổi**: *chuyển đơn vị bé ra đơn vị lớn rồi cộng lại.*  - GV chữa bài, chốt đáp án. | *Tìm số thích hợp vào ô ? (theo mẫu)*  ***Mẫu:***  ***Ví dụ 1:*** *6 tấn 234 kg = ? tấn*  *6 tấn 234 kg = 6 tấn + 234 kg*  *= 6 tấn + 0,234 kg*  *= 6,234 tấn*  *Vậy 6 tấn 234 kg = 6,234 tấn*  ***Ví dụ 2****: 3 m2 5 dm2 = ? m2*  *3 m3 5 dm2 = 3 m2 + 5dm2*  *= 3m2 + 0,05 m2*  *= 3,05 m2*  *Vậy 3 m2 5 dm2 = 3,05 m2.*   |  | | --- | | *5 tấn 262kg = ? tấn*  *3 tạ 52 kg = ? tạ*  *6 kg 235 g = ? kg*  *32dm214cm2 = ? dm2*  *5cm2 6mm2 = ? cm2*  *54m2 3 dm2 = ? m2* |   HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - Quan sát mẫu (trong SGK. hoặc trên máy chiếu). Nói với bạn về cách làm.  - HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện theo mẫu, đổi vở chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  VD: 6 tấn 234 kg = 6 tấn + 234 kg  = 6 tấn + 0,234 tấn = 6,234 tấn  Vậy 6 tấn 234 kg = 6,234 tấn  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *5 tấn 262 kg = 5,262 tấn*  *3 tạ 52 kg = 3,52 tạ*  *6 kg 235 g = 6,235 kg*  *32 dm2 14 cm2 = 32,14 dm2*  *5 cm2 6 mm2 = 5,06 cm2*  *54 m2 3 dm2 = 54,03 m2* |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **Mục tiêu**: *Vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn có liên quan đến các kiến thức về chuyển đổi đơn vị đo đại lượng.*  **Cách tiến hành:** | |
| ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT5***  *Một thanh gỗ dài 3,7m. Bác thợ mộc cắt đi 4 đoạn, trong đó 1 đoạn dài 70 cm và 3 đoạn còn lại mỗi đoạn dài 40 cm. Hỏi thanh gỗ còn lại dài bao nhiêu mét?*  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, trao đổi cách làm và nêu các bước thực hiện.  - GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình.  - HS trình bày vào vở cá nhân.  - GV mời 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng. | **Bài 5.** HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì; suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra. HS trình bày bài giải.  - HS trao đổi, nêu các bước thực hiện:  *+ Đổi đơn vị đo về đơn vị mét.*  *+ Tính độ dài 3 đoạn dài 40 cm.*  *+ Tính độ dài đoạn đã cắt.*  *+ Tính độ dài thanh gỗ còn lại.*  - HS trình bày vào vở cá nhân.  - 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - Kết quả:  *Bài giải*  *Đổi: 70 cm = 0,7 m; 40 cm = 0,4 m*  *3 đoạn dài 40 cm có độ dài là:*  *0,4 3 = 1,2 (m)*  *Độ dài 4 đoạn bác thợ cắt là:*  *0,7 + 1,2 = 1,9 (m)*  *Thanh gỗ còn lại dài là:*  *3,7 – 1,9 = 1,8 (m)*  *Đáp số: 1,8 m* |
| **\* CỦNG CỐ**  *- Qua bài học ngày hôm nay, các em biết thêm được điều gì?*  *- Khi viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân, cần lưu ý những gì?*  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.* Hoàn thành bài tập trong VBT.  - Đọc và chuẩn bị trước **Bài 39 – *Luyện tập chung.*** | - HS trình bày  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BÀI 39: LUYỆN TẬP CHUNG**

**(TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Củng cố các kỹ năng chia số thập phân cho số tự nhiên, chia số thập phân cho số thập phân, trừ số thập phân cho số tự nhiên.
* Phát triển các NL toán học như: Tư duy toán học và giao tiếp để giải quyết các phép toán và trình bày ý tưởng, mô hình hóa toán học để giải quyết các bài toán gắn với thực tế.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học*  **Cách thức tiến hành:***.* | | |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “***Hỏi nhanh – Đáp gọn***” ôn tập lại các phép chia số thập phân đã học.  ***+******GV:*** *“Kết quả của phép tính 129,49 : 2,3 bằng bao nhiêu?”*  ***+ GV:*** *“Kết quả của phép tính 2 : 0,5 bằng bao nhiêu?”*  *....*  *- Nêu cách chia số thập phân cho số tự nhiên?*  *- Nêu cách chia số thập phân cho số thập phân?*  - GV viết phép tính và yêu cầu HS thực hiện  17,2 : 5=?  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  - GV nhận xét, hướng dẫn lại cách tính.  - Và đây cũng chính là mẫu thực hiện tính của bài tập 1.  **GV giới thiệu bài**: *“Sau đây, chúng ta sẽ ôn tập và củng cố các bài toán liên quan đến phép chia số thập phân thông qua bài “****Bài 39: Luyện tập chung****”.* | - HS tham gia trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV.  ***+ HS:*** *“56,3”*  ***+ HS:*** *“4”*  *....*  - HS trả lời.  - HS khác nhận xét.  - HS thực hiện vào vở nháp.  - Đổi chéo bài để kiểm tra cho bạn.  - 1 HS nêu cách tính.  - HS lắng nghe.  - HS chú ý lắng nghe, hình thành động cơ học tập. | |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP (25’)**  **Mục tiêu:** *Học sinh làm được bài tập 1, 2 và 3 để luyện tập về cách chia số thập phân cho một số.*  **Cách tiến hành:** | | |
| ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  - GV hướng dẫn HS thực hiện từng bước chia nhẩm và viết gọn các bước chia.  - GV tổ chức cho học sinh làm việc trên phiếu học tập.  - GV lưu ý hướng dẫn những HS còn gặp khó khăn khi thực hiện tính. | **Bài 1. Tính (theo mẫu)**     |  |  | | --- | --- | | *a) 5,28 : 12*  *b) 0,36 : 9* | *c) 8,5 : 2,5*  *d) 4,25 : 0,17* |   - HS quan sát mẫu, nói cho các bạn nghe các bước thực hiện.  - HS nhận phiếu, soát nội dung phiếu.  - Thực hiện các phép tính của bài 1. HS vận dụng cách chia thu gọn, thực hiện các phép tính còn lại.  - 2 HS làm trên bảng phụ. | |
| - Gọi HS trình bày bài. | - 2 HS nêu cách làm phần a và c | |
|  | - HS nhận xét; cả lớp lắng nghe.  - HS đổi phiếu kiểm tra bài bạn. | |
| - GV nhận xét, tổng kết hoạt động. | - HS nghe.  - Kết quả:   |  |  | | --- | --- | | *a)* | *b)* | | *c)* | *d)* | | |
| ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2*** | **Bài 2. Đặt tính rồi tính**  *Đặt tính rồi tính:*   |  |  | | --- | --- | | *10,8 : 9*  *5,6 : 0,7*  *8,16 : 2,4* | *4,8 : 0,08*  *3,24 : 18*  *31,2 : 13* | | |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 2. | - HS đọc yêu cầu bài tập 2. | |
| - GV yêu cầu HS xác định các bước thực hiện. | - Đặt tính, tính | |
| - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.  - Khuyến khích HS làm nhanh thử lại các phép tính. | - HS bài cá nhân vào vở.  - 3 HS lên bảng thực hiện. | |
| - GV hướng dẫn HS chia sẻ bài làm với bạn.  *+ Bạn đã đặt tính thế nào?*  *+ Hãy nói cách bạn thực hiện tính.*  - GV gọi HS nhận xét bài trên bảng. | - HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm 2:  *+ Bạn đã đặt tính thế nào?*  *+ Hãy nói cách bạn thực hiện tính.*  - Nhận xét bài làm trên bảng. | |
| - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  - Gv nhận xét, tổng kết.  - Lưu ý: *Khi chia số thập phân cho số thập phân cần lưu ý điều gì?* | - Kết quả:   |  |  | | --- | --- | |  |  | |  |  | |  |  |   - Chú ý các bước:  *+ Đếm số chữ số phần thập phân của số chia để chuyển dấu phẩy ở số bị chia cho tương ứng.*  *+ Bỏ dấu phẩy ở số chia.* | |
| ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3*** | **Bài 3. Số?**   |  |  | | --- | --- | |  | *Hộp màu xanh cân nặng ? kg* | |  | *Mỗi hộp vải thiều cân nặng ? kg* | | |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 3. | - HS đọc yêu cầu bài tập 3. | |
| - GV yêu cầu HS xác định việc cần làm. | - Xác định số cân nặng của hộp màu xanh và mỗi hộp vải thiều. | |
| - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2, quan sát tranh và nói cho nhau nghe:  *a) Cân nặng của hai hộp là bao nhiêu?*  *+ Cân nặng của hộp màu vàng là bao nhiêu?*  *+ Muốn tính cân nặng của hộp màu xanh ta thực hiện phép tính gì?*  *b) + Cân nặng của 3 hộp vải thiều là bao nhiêu?*  *+ Muốn tính cân nặng của mỗi hộp vải thiều ta thực hiện phép tính gì?*  - Em áp dụng cách làm nào để giải bài toán?  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  - GV nhận xét, tổng kết bài:  - Nêu lại cách tìm số hạng chưa biết?  - Nêu cách tìm TBC của nhiều số?  - Khi trừ số thập phân cho số tự nhiên cần lưu ý điều gì?  - Mở rộng: *GV cho HS chia sẻ thêm các tình huống vận dụng tương tự đã gặp trong cuộc sống.* | - HS thảo luận và trình bày.  *+ Cân nặng của hai hộp là 3,25 kg*  *+ Cân nặng của hộp màu vàng là 2 kg*  *+ Cân nặng của hộp màu xanh là:*  *3,25 – 2 = 1,25 (kg)*  *+ Cân nặng của 3 hộp vải thiều là 12,6 kg*  *+ Mỗi hộp vải thiều cân nặng là:*  *12,6 : 3 = 4,2 (kg)*  - Tìm số hạng chưa biết và trung bình cộng của ba số.  - Kết quả:  *a) Chiếc hộp màu xanh cân nặng 1,25 kg.*  *b) Mỗi hộp vải thiều cân nặng 4,2 kg.*  - 2 HS nêu.  - Đặt số tự nhiên thẳng hàng với phần nguyên của số thập phân. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **Mục tiêu:**  *- Phát triển các NL toán học như: Tư duy toán học và giao tiếp để giải quyết các phép toán và trình bày ý tưởng, mô hình hóa toán học để giải quyết các bài toán gắn với thực tế.*  **Cách tiến hành:** | | |
| - GV nêu bài toán thực tế: *Mẹ Lan làm được 37,5 kg bột sắn dây. Mẹ đựng số bột đó vào 5 túi như nhau. Tính số ki-lô-gam bột trong mỗi túi.* | - HS trao đổi nhóm 2 về kết quả và cách tính. (37,5 : 5 = 7,5 kg)  🡪 Xung phong chia sẻ kết quả trước lớp. | |
| \* **Củng cố, dặn dò:**  - *Tiết học vừa rồi chúng ta đã ôn những nội dung gì?*  - *Về nhà các em có thể tìm thêm các bài tập tương tự làm thêm để rèn cho thành thạo và chuẩn bị cho tiết 2.* | - *Chia số thập phân cho số tự nhiên, chia số thập phân cho số thập phân, trừ số thập phân cho số tự nhiên.*  - HS nghe để thực hiện. | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BÀI 39: LUYỆN TẬP CHUNG**

**(TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Củng cố các kỹ năng chia số thập phân cho số tự nhiên, chia số thập phân cho số thập phân, trừ số thập phân cho số tự nhiên.
* Phát triển các NL toán học như: Tư duy toán học và giao tiếp để giải quyết các phép toán và trình bày ý tưởng, mô hình hóa toán học để giải quyết các bài toán gắn với thực tế.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học*  **Cách thức tiến hành:***.* | |
| **Bài 4a trang 95**  - GV tổ chức trò chơi: **Ai nhanh, ai đúng?**  - Cách chơi: GV có 4 tấm thẻ ghi 4 phép tính bài 4a, học sinh dưới lớp ghi nhanh các phép tính có kết quả bằng 4 vào bảng con. HS nào có ghi nhanh và đúng nhất sẽ là người thắng cuộc.  - Tổ chức chơi.  - GV nhận xét, chốt đáp án và người thắng cuộc.  - Làm thế nào để em có thể nhẩm nhanh kết quả các phép tính?  - GV nhận xét và hướng dẫn cách chia nhẩm. | - Lắng nghe luật chơi.  - HS ghi nhanh các phép tính có kết quả bằng 4 vào bảng con. HS nào có ghi nhanh và đúng nhất sẽ là người thắng cuộc.  - HS cả lớp chơi bằng cách ghi đáp án đúng vào bảng con.  - Nhân cả số bị chia và số chia với 10, 100 hoặc 1000 để được phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP (tiếp theo) (20 phút)**  **Mục tiêu:**  *Củng cố và hoàn thiện các kỹ năng chia số thập phân và giải toán liên quan (bài 4b, 5, 6)*  **Cách tiến hành:** | |
| **Bài 4b.** |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 4b trang 95. | - HS đọc yêu cầu bài tập 4. |
| - Gv tổ chức trò chơi **Tiếp sức đồng đội.** | - HS tham gia trò chơi **Tiếp sức đồng đội.** |
| - **Cách chơi**: GV ghi bảng 6 phép tính và tổ chức cho 2 nhóm, mỗi nhóm 6 bạn tham gia. Hai đội xếp thành hàng, sau khi GV hô Bắt đầu, bạn đầu hàng sẽ ghi nhanh kết quả 1 phép tính bài 4b. Cứ lần lượt như thế đến hết 6 bạn. Đội nào hoàn thành nhanh nhất và đúng nhiều phép tính nhất sẽ là đội thắng cuộc.  - GV tổng hợp quả, tuyên bố đội thắng.  - Gọi HS nêu lại cách nhẩm nhanh kết quả phép tính chia với số thập phân.  - Yêu cầu HS đọc và xác định các yêu cầu của bài 4c.  32,2 : 0,7 = 3,22: 7 ; 1,69 : 0,13 = 16,9 : 13  - GV nhận xét, đánh giá. | - HS chơi theo nhóm 6, tổ chức chia nhóm, chọn cử nhóm trưởng, mỗi nhóm 6 bạn tham gia. Mỗi lượt 2 nhóm lên thi đấu.  - Hai đội xếp thành hàng, sau khi GV hô Bắt đầu, bạn đầu hàng sẽ ghi nhanh kết quả 1 phép tính bài 4b. Cứ lần lượt như thế đến hết 6 bạn. Đội nào hoàn thành nhanh nhất và đúng nhiều phép tính nhất sẽ là đội thắng cuộc.  - HS dưới lớp theo dõi và nhận xét bằng cách thử lại phép tính.  -1 HS nêu lại.  -Tìm lỗi sai và sửa lại  - Kết quả:  *a) 2,8 : 0,7 = 28 : 7 = 4*  *0,28 : 7 = 0,04*  *2,8 : 0,07 = 280 : 7 = 40*  *0,28 : 0,07 = 28 : 7 = 4*  *Vậy có 2 tấm thẻ phép chia có thương là 4.*  *b) 6,3 : 3 = 2,1*  *Thử lại 2,1 3 = 6,3*  *11 : 2 = 5,5*  *Thử lại 5,5 2 = 11*  *0,35 : 0,07 = 5*  *Thử lại 5 0,07 = 0,35*  *4,8 : 0,8 = 6*  *Thử lại 6 0,8 = 4,8*  *0,24 : 0,12 = 2*  *Thử lại 2 0,12 = 0,24*  *0,33 : 0,3 = 1,1*  *Thử lại 1,1 0,3 = 0,33*  *c) 32,2 : 0,7 = 3,22 : 7 sai do dịch chuyển dấu phẩy chưa đúng.*  *Sửa lại: 32,2 : 0,7 = 322 : 7*  *1,69 : 0,13 = 16,9 : 13 sai do dịch chuyển dấu phẩy chưa đúng.*  *Sửa lại: 1,69 : 0,13 = 169 : 13*  - Nhóm khác nhận xét. |
| ***Nhiệm vụ : Hoàn thành BT5*** | **Bài 5.**  *Mỗi bước chân của chị Ngọc dài khoảng 0,45 m. Hỏi để đi được 54 m chị Ngọc cần bước khoảng bao nhiêu bước chân?* |
| -GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 5.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe cách làm và trình bày vào vở cá nhân.  - GV gợi ý để HS nhận biết:  *Quãng đường đi được = độ dài bước chân số bước chân.*  - GV mời 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng. | -HS đọc yêu cầu bài tập 5.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Bài giải*  *Để đi được 54 m chị Ngọc cần bước khoảng:*  *54 : 0,45 = 120 (bước)*  *Đáp số: 120 bước chân* |
| - Tổ chức cho HS nhận xét bài trên bảng.  - Khuyến khích HS nêu câu trả lời khác. | - HS chia sẻ bài làm với bạn cùng bàn. HS nhận xét, bổ sung bài cho bạn.  - HS có nhiều cách trả lời khác nhau. |
| - Để chia số thập phân cho số thập phân em làm thế nào?  - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý học sinh cách trình bày bài giải khoa học. | - HS trả lời. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn. |
| ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT6***  **Bài 6.** Tổ chức dưới hình thức*Trò chơi: Kết bạn*  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 6.  - GV thành lập các nhóm đôi, yêu cầu học sinh hỏi đáp, chia sẻ về yêu cầu và cách làm bài với 1 bạn trong nhóm. Sau đó hai bạn trong nhóm kết nhóm đôi với 1 bạn của nhóm khác để chia sẻ cách làm của mình. Cứ như vậy cho đến khi có hiệu lệnh dừng của GV.  - GV yêu cầu 1 nhóm chia sẻ trước lớp.  - Nhận xét hoạt động.  - Khuyến khích HS trình bày bày theo cách khác nhau. | - HS đọc yêu cầu bài tập 6:  *Nhà bác Vinh thu hoạch được 350 bông hoa hướng dương, mỗi bông có khoảng 0,25 kg hạt. Biết rằng 1 kg hạt hướng dương có thể ép được khoảng 0,25 l dầu hướng dương. Hỏi nhà bác Vinh thu hoạch được khoảng bao nhiêu lít dầu hướng dương?*  - HS thực hiện theo nhóm đôi: học sinh hỏi đáp, chia sẻ về yêu cầu và cách làm bài với 1 bạn trong nhóm. Sau đó hai bạn trong nhóm kết nhóm đôi với 1 bạn của nhóm khác để chia sẻ cách làm của mình. Cứ như vậy cho đến khi có hiệu lệnh dừng của GV.  - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp.  - HS làm bài. 1 HS làm trên bảng lớp.  - Kết quả:  *Bài giải*  *Nhà bác Vinh thu hoạch được số ki-lô-gam hạt hướng dương là:*  *0,25 350 = 87,5 (kg)*  *Nhà bác Vinh thu hoạch được số lít dầu hướng dương là:*  *0,25 87,5 = 21,875 (l)*  *Đáp số: 21,875 l dầu hướng dương.* |
| - GV nhận xét, đánh giá, tổng kết hoạt động.  - Hạt hướng dương có tác dụng gì?  - **GV bổ sung*:*** *Hạt hướng dương chứa nhiều dinh dưỡng tốt cho hệ tiêu hóa, phòng bệnh tim mạch... và được dùng để ép lấy dầu làm dầu ăn.* | -Nhận xét, bổ sung.  -HS nêu ý kiến.  -HS lắng nghe. |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM (10 phút)**  **Mục tiêu:** *Củng cố và hoàn thiện kĩ năng chia số thập phân.*  **Cách tiến hành:** | |
| -Tổ chức trò chơi: **Rung chuông vàng.**  GV nêu 1 phép tính bất kì, HS ghi nhanh kết quả vào bảng con. Sau khi có hiệu lệnh giơ bảng, HS nào có kết quả sai hoặc chưa hoàn thành sẽ bị loại. HS còn lại sẽ tiếp tục trò chơi. HS nào còn lại sau cùng sẽ là người thắng cuộc. | - HS sử dụng bảng con tham gia trò chơi: GV nêu 1 phép tính bất kì, HS ghi nhanh kết quả vào bảng con. Sau khi có hiệu lệnh giơ bảng, HS nào có kết quả sai hoặc chưa hoàn thành sẽ bị loại. HS còn lại sẽ tiếp tục trò chơi. HS nào còn lại sau cùng sẽ là người thắng cuộc. |
| - GV nhận xét, đánh giá, tổng kết hoạt động. |  |
| **Củng cố, dặn dò** |  |
| **\* CỦNG CỐ** |  |
| - *Qua tiết học hôm nay, em đã ôn tập những kiến thức gì?* | - Ôn tập phép nhân, chia và chia nhẩm số thập phân. |
| - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong VBT.  - Đọc và chuẩn bị trước **Bài 40 – *Tỉ số phần trăm*.** | - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

**BÀI 40: TỈ SỐ PHẦN TRĂM**

**(TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Hiểu được ý nghĩa của tỉ số phần trăm. Biết viết tỉ số phần trăm
* Rèn HS cách đọc, viết tỉ số phần trăm và giải bài toán có liên quan. HS trải nghiệm thực hành tính tỉ số phần trăm giữa HS nữ (12 em) với HS cả lớp 5B (28 em). HS làm bài tập 1, 2
* Phát triển các NL toán học như: Sử dụng trò chơi học toán để giúp học sinh thực hành các kỹ năng toán học một cách thú vị và hiệu quả; học sinh giải quyết các bài toán về biểu diễn tỉ số phần trăm dưới dạng phân số và biểu diễn phân số dưới dạng tỉ số phần trăm

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh để mở đầu tiết học. | |
| - Thông qua trò chơi phỏng vấn giúp học sinh hiểu được khái niệm về tỉ số.  - GV đưa hình vẽ: 1 hình vuông được chia thành 100 ô vuông bằng nhau. Tô màu 25 ô vuông  - Tỉ số giữa số ô vuông đã tô màu và tổng số ô vuông là bao nhiêu?  - Giáo viên tổ chức cho học sinh báo cáo bằng trò chơi: Phỏng vấn  - GV quan sát giúp đỡ HS  *Chốt: HS hiểu khái niệm về tỉ số* | - HS xem tranh và mô tả hình vẽ:  Hình vuông được chia thành 100 ô vuông bằng nhau. Có 25 ô vuông đã được tô màu  - HS thảo luận nhóm 2:  + HS1: Hình vuông được chia thành 100 ô vuông bằng nhau. Có 25 ô vuông đã được tô màu *Ta nói:* Sô ô vuông đã được tô màu chiếm hai mươi lăm phần trăm.  + HS2: số ô vuông đã được tô màu so với tổng số ô vuông là 25 so với 100 *Nghĩa là:* Tỉ số giữa số ô vuông đã tô màu và tổng số ô vuông là 25 : 100 hoặc  - HS tham gia trò chơi |
| B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC  **Mục tiêu:***- Hiểu được ý nghĩa của tỉ số phần trăm. Biết viết tỉ số phần trăm*  **Cách tiến hành:** | |
| GV giới thiệu tỉ số phẩn trăm:  - Tỉ số giữa số ô vuông đã tô màu và tổng số ô vuông là 25 : 100 hoặc  - Nói: Hai mươi lăm phần trăm hình vuông đã được tô màu.  - Ta viết = 25%; 25% là tỉ số phần trăm, được đọc là: Hai mươi lăm phần trăm.  - Cho HS tập viết kí hiệu phần trăm (%)  Viết số 25 kèm theo kí hiệu %,  - GV: Ta nói: 25% còn được gọi là tỉ số phân trăm của phần hình vuông đã được tô màu so với toàn thể hình vuông đó.  - Yêu cầu HS lấy ví dụ khác về tỉ số phần trăm | - HS nghe  - HS thực hành viết vào vở nháp  - HS lấy ví dụ và viết vào bảng con |
| - GV quan sát nhận xét, tổng kết hoạt động. | -HS nghe. |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **\*Mục tiêu*:***  *Học sinh làm được bài tập 1 và 2 để Luyện tập cách đọc, viết và củng cố ý nghĩa của các tỉ số phần trăm.*  \* Cách tiến hành: | |
| Bài 1.  - GV đưa mẫu yêu cầu HS quan sát mẫu, đọc tỉ số phần trăm, viết số kèm theo ki hiệu %.  *Ví dụ:* Đọc “Hai trăm ba mươi hai phần trăm”, viết số 232 kèm theo kí hiệu %, ta có 232%.  - Khi viết tỉ số phần trăm ta viết như thế nào?  *Chốt cách viết tỉ số phần trăm*  Bài 2. GV yêu cầu HS đọc đề bài  - Gv yêu cầu HS xác định việc cần làm. | - HS nghe hướng dẫn  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, tự lấy ví dụ về tỉ số phần trăm, đọc và viết ra bảng con.  - Các nhóm báo cáo  Khi viết tỉ số phần trăm ta viết số kèm theo kí hiệu phần trăm  - HS đọc yêu cầu |
| - GV hướng dẫn HS chia sẻ bài làm với bạn. | - HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm 2. |
| - GV tổ chức trò chơi ***Đố bạn*** để HS chia sẻ bài làm trước lớp. | - HS cả lớp tham gia trò chơi. |
| +Quản trò: Đố bạn đố bạn. | +Cả lớp: Đố gì đố gì? |
| + Quản trò: Đố bạn: “Tỉ số phần trăm của số ô vuông màu xanh và tổng số ô vuông là bao nhiêu phần trăm?  - 1% nghĩa là gì?” | +1HS đọc số, cả lớp nghe, nhận xét  - Là 1%  - Nghĩa là: Số ô vuông màu xanh so với tổng số ô vuông là 1: 100 hay 1%. |
| + Quản trò: Đố bạn, đố bạn. | +Cả lớp: Đố gì đố gì? |
| + Quản trò: Đố bạn: “Số ô vuông màu đỏ chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số ô vuông    11% nghĩa là gì?” | + 1HS nêu, cả lớp nghe, nhận xét  *- 11%*  *- Nghĩa là:* có tổng cộng 100 ô vuông thì số ô vuông màu đỏ chiếm 11 ô. |
| + Quản trò: Đố bạn đố bạn. | +Cả lớp: Đố gì đố gì? |
| + Quản trò: Đố bạn: “Tỉ số phần trăm của số ô vuông màu vàng và tổng số ô vuông là bao nhiêu phần trăm?  - 8% nghĩa là gì?”  + Quản trò: Đố bạn “ Có bao nhiêu ô vuông không được tô màu? Tại sao bạn biết?  +Quản trò: Đố bạn. Tỉ số phần trăm của số ô vuông không được tô màu và tổng số ô vuông là Bao nhiêu phầm trăm?  - 80% nghĩa là gì?  *Nghĩa là:* số ô vuông không được tô màu so với tổng số ô vuông là 80 : 100 hay 80%. | +1HS lên bảng viết, cả lớp quan sát, nhận xét  *- Là 8%*  *- Nghĩa là:* Số ô vuông màu vàng so với tổng số ô vuông là 8 : 100 hay 8%  - Có 80 ô vuông vì có tất cả 100 ô vuông. Số ô vuông không được tô màu là 100-1-11-8 = 80 ô vuông  *- 80%*  *Nghĩa là:* số ô vuông không được tô màu so với tổng số ô vuông là 80 : 100 hay 80% |
| - GV nhận xét, tổng kết bằng cách hỏi để HS trả lời  - Vậy muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số ta làm thế nào?  - Cho HS trải nghiệm thực hành tính tỉ số phần trăm giữa HS nữ (17 em) với HS cả lớp 5B (34 em)  *- Chốt: Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số ta lập tỉ số giữa hai số rồi viết tỉ số vừa lập thành tỉ số phần trăm.* | - HS tính |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG. TRẢI NGHIỆM**  **\* Mục tiêu:** *Phát triển các NL toán học như: Sử dụng trò chơi học toán để giúp học sinh thực hành các kỹ năng toán học một cách thú vị và hiệu quả; học sinh giải quyết các bài toán về biểu diễn tỉ số phần trăm dưới dạng phân số và biểu diễn phân số dưới dạng tỉ số phần trăm*  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Tiết học vừa rồi chúng ta đã học những nội dung gì?  - Nêu cách viết tỉ số phần trăm?  Cho HS vận dụng kiến thức làm bài sau: *Một trang trại có 700 con gà , trong đó có 329 con gà trống. Vậy tỉ số phần trăm của số gà trống và tổng số gà là bao nhiêu ?*  - Nhận xét tiết học.  - Dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị tiết 2 của bài: Tỉ số phần trăm  -Về nhà các em có thể tìm thêm các ví dụ tương tự về tỉ số phần trăm để rèn cho thành thạo và chuẩn bị cho tiết 2 | + Hiểu được ý nghĩa của tỉ số phần trăm. Biết viết tỉ số phần trăm  -HS nghe để thực hiện. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………